

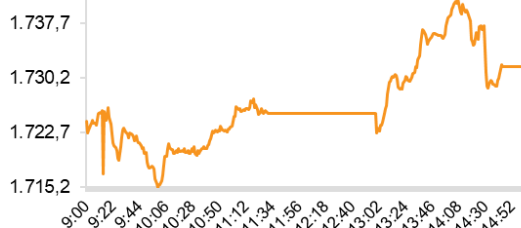
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
+84 2439724568
Research@vndirect.com.vn
vndirect.com.vn

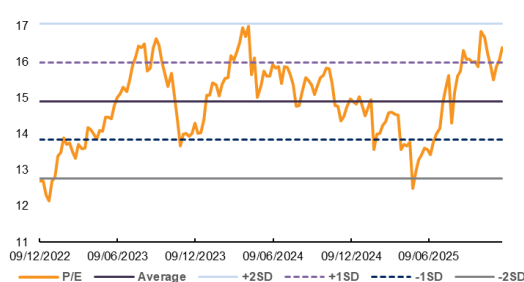
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.731,8	259,7	120,2
1 ngày (%)	0,9	0,3	0,4
1 tháng (%)	7,1	0,2	4,8
Từ 2025	36,7	14,2	26,4
1 Năm (%)	38,6	15,3	30,0
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	7.600	408	908
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,1	1,2	0,5
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

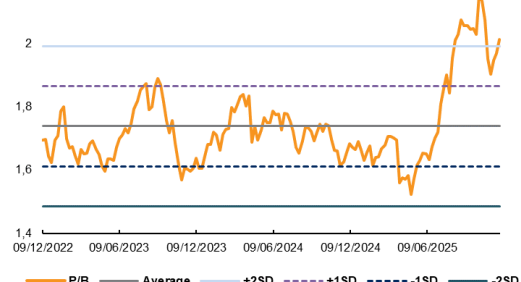
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index tiếp tục bứt phá với động lực từ nhóm Ngân hàng

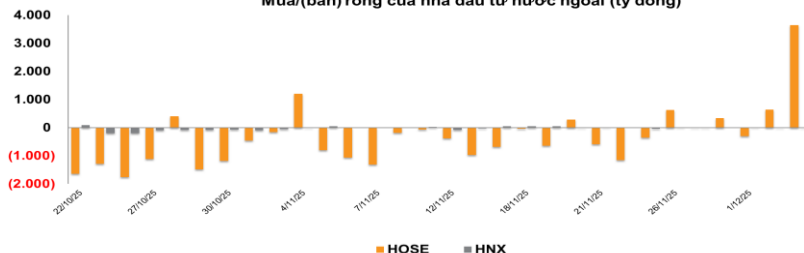
Thị trường phiên giao dịch ngày 03/12 ghi nhận dòng tiền chủ động nhập cuộc một cách rõ ràng và mang tính lan tỏa. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index ghi nhận mức tăng ấn tượng 14,71 điểm (+0,86%), đóng cửa tại mốc 1.731,77 điểm. Độ rộng thị trường cho thấy sự đồng thuận rõ rệt với 225 mã tăng áp đảo so với 101 mã giảm, phản ánh tâm lý lạc quan đã lan tỏa sau chuỗi ngày giằng co trước đó.

Đồng pha với đà hưng phấn chung, chỉ số VN30 thể hiện vai trò dẫn dắt khi tăng mạnh 21,87 điểm (+1,12%), đóng cửa ở mức 1.971,99 điểm. Sắc xanh chiếm ưu thế với 19 cổ phiếu tăng điểm và chỉ 9 cổ phiếu giảm điểm. Động lực chính hôm nay đến từ sự tăng giá của nhóm Ngân hàng và sự trở lại của các mã vốn hóa lớn như MWG. Cụ thể, CTG có mức tăng (+6,0%), theo sau đó là cổ phiếu MWG (+5,9%), VPB (+4,7%), BID (+4,2%), và MBB (+4,2%). Về nhóm ngành, dòng tiền có sự luân chuyển và lan tỏa rõ nét. Nhóm Ngân hàng (+3,02%) trở thành điểm sáng nhất, khẳng định vai trò dẫn dắt thị trường trong phiên tăng điểm ngày hôm nay. Nhóm Dịch vụ Bán lẻ (+4,4%) bùng nổ mạnh mẽ, theo sau là Viễn thông (+2,69%) và Bảo hiểm (+1,25%) duy trì đà tăng tích cực.

Thanh khoản khớp lệnh đạt hơn 24,3 nghìn đồng, tăng 11,89% so với phiên trước đó và cao hơn ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất. Thanh khoản tăng cho thấy tâm lý của nhà đầu tư đã tự tin và tích cực hơn giai đoạn trước đó. Việc VN-Index vượt và giữ vững mốc kháng cự 1.730 điểm nhờ sự đồng thuận của nhóm Ngân hàng và sự lan tỏa tích cực về độ rộng thị trường là tín hiệu xác nhận cho xu hướng tăng trung hạn được củng cố. Với việc VN-Index tăng trưởng về mặt chỉ số kèm thanh khoản gia tăng và sự trở lại của nhóm Ngân hàng, chúng tôi đánh giá bức tranh thị trường đã chuyển sang giai đoạn lạc quan hơn. Tuy nhiên, việc nhóm Bất động sản và một số mã vốn hóa lớn khác điều chỉnh cho thấy dòng tiền vẫn có sự chọn lọc và phân hóa. Chúng tôi duy trì chiến lược giao dịch chủ động nhưng vẫn cần đề cao nguyên tắc quản trị rủi ro. Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu thuộc nhóm dẫn dắt (Ngân hàng, Bán lẻ, Khu công nghiệp) để tối ưu hóa lợi nhuận. Có thể canh chốt lời một phần đối với các mã đã tăng nóng chạm kháng cự mạnh. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: Nên tận dụng các nhịp rung lắc, điều chỉnh kỹ thuật trong phiên để mở vị thế mua mới thăm dò với tỷ trọng hợp lý, ưu tiên các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt chưa tăng nóng và thuộc nhóm ngành được hưởng lợi. Tránh hành động mua đuổi cổ phiếu.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,3	360,0	4,4	0,6	15,7	23,0	25,9	117,5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,0	27,3	3,1	0,6	7,0	12,6	13,0	86,1
Năng lượng	1,9	26,7	1,4	-0,3	0,1	-4,8	-7,7	-33,0
Tài chính	39,4	11,3	1,8	2,7	2,7	28,2	32,1	82,1
Chăm sóc sức khỏe	0,5	22,3	2,7	0,6	-0,1	2,4	2,9	110,3
Công nghiệp	9,1	52,8	5,5	0,3	6,0	119,7	127,3	-14,3
Công nghệ thông tin	2,4	18,3	4,4	0,3	-6,8	-24,4	-21,6	16,0
Vật liệu xây dựng	6,2	15,5	1,7	0,6	0,8	7,5	7,0	-12,3
Bất động sản	25,3	77,4	4,8	-1,0	22,8	354,3	354,6	16,2
Dịch vụ tiện ích	3,8	14,9	2,0	-1,4	2,5	0,9	0,5	48,9

Mua/(bán) ròng của nhà đầu tư nước ngoài (tỷ đồng)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: Bộ trưởng Thương mại Mỹ Howard Lutnick xác nhận Mỹ hạ thuế nhập khẩu từ Hàn Quốc, bao gồm ô tô, xuống còn 15%, có hiệu lực từ 1/11, sau khi Hàn Quốc trình dự luật thực hiện các cam kết đầu tư chiến lược vào Mỹ. Trước đó, mức thuế áp dụng là 25%.

Tin vĩ mô trong nước

- Chính phủ ban hành Quyết định 2634/QĐ-TTg (02/12/2025) phê duyệt danh mục mới các công trình, dự án quan trọng quốc gia thuộc ngành năng lượng, thay thế danh mục năm 2024, bao gồm 32 dự án nguồn điện (nhiệt điện, thủy điện, điện gió ngoài khơi), 7 kho LNG, 7 dự án chuỗi khí-điện, nhiều dự án truyền tải/nhập khẩu/giải tỏa công suất, 1 dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất và 3 trung tâm năng lượng tái tạo liên vùng.
- Đề xuất sửa biểu thuế TNCN Bộ Tài chính đang trình: 1) giữ nguyên thuế suất TNCN cao nhất 35% ở bậc 5; 2) nâng ngưỡng áp thuế 35% từ 80 triệu lên 100 triệu đồng/tháng; 3) rút gọn biểu thuế từ 7 bậc xuống còn 5 bậc; 4) giảm thuế suất bậc 2 từ 15% xuống 10%; 5) giảm thuế suất bậc 3 từ 25% xuống 20%.
- Theo Bộ Tài Chính, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công lũy kế 11M25 đạt khoảng 57,9% kế hoạch năm, tương đương hơn 528,8 nghìn tỷ đồng, vẫn còn gần 400 nghìn tỷ chưa giải ngân (kế hoạch tổng 913,2 nghìn tỷ đồng). Các địa phương có tiến độ giải ngân tốt gồm Hà Tĩnh, Ninh Bình, Thanh Hóa,...

Tin ngành và doanh nghiệp

- Ngân hàng đồng loạt tăng vốn năm 2025 để đáp ứng Basel III:** Trong năm 2025, nhiều ngân hàng thương mại đồng loạt tăng vốn điều lệ nhằm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vốn theo Basel III, với tổng vốn của 28 ngân hàng đạt hơn 926 nghìn tỷ đồng (+16% sv cuối năm 2024); các ngân hàng lớn đã hoặc đang phát hành cổ phiếu, cổ tức bằng cổ phiếu hoặc chào bán riêng lẻ để bổ sung vốn, đảm bảo tiêu chuẩn vốn cấp 1, CAR và bộ đệm thanh khoản.
- ABB – Lợi nhuận trước thuế 11 tháng đạt 3.400 tỷ đồng, gấp đôi kế hoạch và tạo dư địa tăng trưởng mạnh cho năm 2026:** ABBank đạt lợi nhuận trước thuế 3.400 tỷ đồng (129 triệu USD) sau 11 tháng, gần gấp đôi kế hoạch, đạt 88% so với kế hoạch 1.800 tỷ đồng (68 triệu USD) năm 2025 và hoàn thành 135% kế hoạch huy động vốn, tạo nền tảng cho tăng trưởng tín dụng và mở rộng hoạt động trong năm tới.
- DPM: Lợi nhuận 9 tháng tăng mạnh 51%, mở rộng sang hóa chất xanh và đặt mục tiêu doanh thu 1 tỷ USD giai đoạn 2026–2030:** PVFCCO (DPM) đạt doanh thu 9 tháng năm 2025 tăng 27% lên 13.150 tỷ đồng, lợi nhuận ròng tăng 51% lên 844 tỷ đồng, mở rộng sang lĩnh vực hóa chất xanh, phát hành cổ phiếu thường, nắm giữ 11.500 tỷ đồng tiền mặt, đặt mục tiêu doanh thu 1 tỷ USD cho giai đoạn 2026-2030.

Thị trường tiền tệ và hàng hóa

- Tỷ giá USDVND đi ngang tại mức giá 26,373 đồng trong khi chỉ số USD giảm xuống khoảng 99,2 vào ngày thứ Tư, tiền gần mức thấp nhất trong một tháng do kỳ vọng về việc Cục Dự trữ Liên bang (Fed) tiếp tục cắt giảm lãi suất gây trong tháng 12 với xác suất lên đến 89%.
- Ngân hàng nhà nước tiếp tục bơm ròng trên OMO khi liên suất liên ngân hàng qua đêm tăng đã tăng lên mốc 7,3%, cao nhất trong hai năm qua, cho thấy áp lực thanh khoản trong hệ thống cuối năm khá cao.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,19	0,0	0,9	39,4	61,2
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/n)	7,30	1,7	32,7	89,6	75,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,24	19,7	27,5	46,3	57,4
USD/VND	26.374	0,0	-0,2	-3,4	-3,7
DXY	99,11	-0,3	-0,8	-8,6	-6,8
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,08	-0,1	-0,7	-10,7	-3,4
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,52	-0,3	-2,7	-17,7	-15,1

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.199,90	0,3	4,6	59,0	58,8
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	59,39	1,3	-2,7	-17,2	-15,1
Dầu Brent (USD/b) 1 th	63,16	1,1	-2,7	-15,4	-14,2
Thép (USD/tấn)	452,1	0,1	0,3	-9,8	-11,2
Thịt heo (USD/kg)	1,6	-0,9	-6,8	-26,6	-28,9
Gạo (USD/tấn)	457,4	-0,3	-1,5	-28,1	-34,1
Phân urea (USD/tấn)	363,0	0,0	3,0	14,3	16,2

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 01/12/2025	Việt Nam	Chỉ số PMI sản xuất tháng 11.2025
	Trung Quốc	Chỉ số PMI sản xuất tháng 11.2025
Thứ Ba 02/12/2025	Mỹ	Chủ tịch Fed phát biểu
	EU	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11.2025
Thứ Sáu 05/12/2025	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 9.2025
Thứ Bảy 06/12/2025	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 11.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.199	1,6	3.345	53.000	73.300	39,3%	1,0%	17,8	2,8	17%
AST	126	0,0	4	74.000	85.400	18,8%	3,4%	14,7	5,2	38%
HVN	3.451	1,8	722	29.250	43.400	50,5%	2,1%	9,8	16,3	
VJC	4.148	14,7	945	202.000	113.600	-43,3%	0,5%	69,5	4,9	8%
Bán lẻ										
BAF	363	2,5	172	31.500	37.200	18,1%		17,1	2,2	13%
DGW	370	3,0	100	44.150	49.600	13,5%	1,1%	18,3	3,0	17%
FRT	943	3,0	160	146.100	150.300	3,1%	0,2%	40,4	8,1	25%
MCH	8.671	3,1	3.033	216.400	147.000	-30,9%	1,2%	32,7	14,3	44%
MWG	4.485	23,5	130	80.000	96.300	21,6%	1,3%	20,2	3,8	20%
PNJ	1.167	2,2	3	90.200	109.900	23,4%	1,6%	13,5	2,5	21%
QNS	613	0,2	250	44.000	53.400	23,6%	2,3%	7,1	1,4	20%
SAB	2.257	1,3	936	46.400	59.900	33,4%	4,3%	14,1	2,6	18%
VHC	492	3,3	395	57.800	71.300	26,8%	3,5%	8,3	1,3	17%
VNM	4.913	11,2	2.460	62.000	74.800	25,2%	4,6%	16,7	3,8	24%
Tài chính										
ACB	4.743	13,3	35	24.350	31.300	32,1%	3,6%	7,2	1,4	20%
BID	9.997	6,4	1.283	37.550	47.200	26,9%	1,2%	9,9	1,6	18%
CTG	9.947	17,8	449	48.850	49.000	1,2%	0,9%	7,9	1,6	22%
HDB	4.683	20,2	151	32.000	34.900	11,7%	2,6%	7,7	1,7	25%
LPB	5.584	4,9	223	49.300	33.400	-27,2%	5,1%	14,2	3,4	25%
MBB	7.178	28,8	225	23.500	32.900	42,1%	2,1%	7,8	1,5	21%
STB	3.524	18,0	535	49.300	45.700	-6,1%	1,2%	7,6	1,5	22%
TCB	9.068	23,8	5	33.750	40.300	22,4%	3,0%	10,8	1,5	14%
TPB	1.825	12,6	100	17.350	17.800	8,1%	5,5%	7,4	1,2	17%
VCB	18.344	13,3	1.570	57.900	69.300	20,5%	0,8%	13,8	2,2	17%
VIB	2.407	7,1	0	18.650	23.600	29,8%	3,3%	8,4	1,4	18%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.754	37,1	510	29.100	24.100	-15,5%	1,7%	11,2	1,5	14%
Dệt may										
MSH	169	0,5	75	39.650	40.600	12,5%	10,1%	7,7	2,0	28%
TCM	120	1,6	2	28.200	29.800	7,3%	1,6%	12,2	1,3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2.606	0,7	827	66.400	68.600	4,8%	1,5%	18,7	3,2	18%
GMD	1.033	6,5	60	63.900	72.000	15,8%	3,1%	20,9	2,1	12%
HAH	386	5,3	88	60.300	55.400	-6,9%	1,3%	8,7	2,4	31%
VSC	322	10,6	149	22.650	19.100	-13,5%	2,2%	18,7	1,6	9%
IDC	573	3,4	218	39.800	45.600	18,3%	3,8%	8,2	2,3	31%
KBC	1.275	9,6	492	35.700	30.000	-14,9%	1,1%	19,1	1,4	7%
PHR	291	0,5	103	56.600	65.300	17,8%	2,4%	11,4	1,9	17%
VTP	461	2,7	204	99.800	129.200	30,5%	1,1%	41,2	7,0	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.368	6,9	524	95.000	128.300	38,2%	3,2%	12,2	2,3	20%
HPG	7.829	55,5	2.318	26.900	30.000	12,6%	1,1%	14,3	1,6	12%
Dầu khí										
BSR	2.943	7,7	1.428	15.500	16.700	10,5%	2,8%	37,5	1,4	4%
GAS	5.764	1,7	2.723	63.000	78.400	27,7%	3,2%	12,6	2,3	20%
OIL	412	0,4	24	10.500	14.800	43,3%	2,4%	33,2	1,0	3%
PLX	1.638	2,1	82	34.000	47.700	43,8%	3,5%	17,4	1,7	10%
PVD	546	7,1	226	25.900	27.850	17,2%	9,7%	15,9	0,8	6%
PVS	617	5,8	224	31.800	44.800	42,9%	2,1%	11,2	1,1	11%
PVT	331	2,2	131	18.600	23.400	27,0%	1,2%	8,9	1,0	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	601	3,9	278	23.300	23.300	3,7%	3,7%	20,5	1,4	7%
DCM	681	3,8	309	33.950	40.000	23,7%	5,9%	10,4	1,7	17%
DDV	153	1,3	70	27.600	39.700	47,1%	3,3%	24,0	2,3	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	79	0,3	37	25.700	34.800	37,4%	1,9%	17,4	1,6	9%
Điện										
POW	1.354	5,2	639	15.250	17.600	16,7%	1,3%	18,8	1,1	6%
Điện và BĐS										
HDG	452	5,3	130	32.200	37.400	17,4%	1,3%	34,3	1,8	5%
PC1	343	2,4	129	22.000	30.500			18,1	1,5	9%
REE	1.356	1,5	0	66.000	76.600	17,4%	1,3%	13,8	1,8	13%
Bất động sản										
DXG	724	19,6	213	18.750	18.300	8,3%	10,7%	46,0	1,5	3%
KDH	1.506	9,0	339	35.400	41.800	18,9%	0,8%	44,3	2,2	5%
NLG	657	4,6	31	35.700	34.900	-1,0%	1,3%	18,5	1,5	9%
VHM	15.964	23,2	6.547	102.500	93.600			16,1	1,9	13%
VRE	2.899	14,2	1.010	33.650	32.000	-1,8%	3,1%	15,7	1,7	11%
Công nghệ										
FPT	6.427	38,0	657	99.500	118.200	19,8%	1,0%	18,8	4,7	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA